



DOI:10.22144/ctujos.2024.386

VẬN DỤNG PHƯƠNG PHÁP HỌC KẾT HỢP ĐỂ NÂNG CAO HIỆU QUẢ HỌC KANJI CHO SINH VIÊN CHUYÊN NGÀNH NGÔN NGỮ NHẬT TẠI ĐẠI HỌC FPT CẦN THƠ

Nguyễn Thị Phi*, Nguyễn Ngọc Sơn Hải Vân, Nguyễn Thị Hồng Vân và Vương Khánh Quỳnh
Đại học FPT Cần Thơ

*Tác giả liên hệ (Corresponding author): phint10@fe.edu.vn

Thông tin chung (Article Information)

Nhận bài (Received): 15/12/2023

Sửa bài (Revised): 16/04/2024

Duyệt đăng (Accepted): 24/04/2024

Title: Applying combined learning method to improve Kanji learning efficiency for students majoring in Japanese language at FPT Can Tho University

Author(s): Nguyen Thi Phi*, Nguyen Ngọc Sơn Hải Vân, Nguyen Thi Hong Van and Vương Khánh Quỳnh

Affiliation(s): FPT University, Can Tho Campus

TÓM TẮT

Hiện nay, nhiều phương pháp học Kanji đã được đề xuất và ứng dụng như học qua Flashcard, âm Hán - Việt, học các ký tự Kanji từ cơ bản đến phức tạp. Tuy nhiên, hiện trạng cho thấy người học tiếng Nhật đang gặp nhiều khó khăn, đặc biệt là về việc học Kanji. Nghiên cứu thực hiện trên 31 sinh viên ngành ngôn ngữ Nhật nhằm tìm ra phương pháp học hiệu quả và thú vị hơn. Một lớp học thực nghiệm được thực hiện bằng cách kết hợp các phương pháp học qua bộ thủ, sử dụng câu liên tưởng bằng nghĩa và âm Hán - Việt và viết đi viết lại nhiều lần. Kết quả cho thấy hơn 93% số lượng sinh viên cho rằng phương pháp học kết hợp này có hiệu quả, giúp cải thiện tình hình học Kanji và nhớ Kanji lâu hơn. Đặc biệt là năng lực viết Kanji của người học được cải thiện rõ rệt với 100% sinh viên đạt điểm 8 trở lên. Trong khi con số này chỉ đạt 39% đối với phương pháp học thông thường. Qua đó cho thấy, đây có thể là một phương pháp bổ trợ giúp sinh viên có thể học thêm để cải thiện việc học Kanji của mình.

Từ khoá: Kanji, phương pháp học, tiếng Nhật

ABSTRACT

Currently, many methods of learning Kanji have been proposed and applied such as learning through Flashcards, learning through Sino-Vietnamese sounds, learning Kanji characters from basic to complex, etc. However, the current situation showed that learners of Japanese are facing many difficulties, especially in learning Kanji. This study was conducted on 31 Japanese language students to find more effective and interesting learning methods. An experimental class was conducted by combining various learning methods such as learning Kanji with radicals, using sentences related to Sino-Vietnamese meaning and pronunciation, and writing over and over again. The results showed that more than 93% of students thought that this combined learning method was effective, helping to improve Kanji learning and remember Kanji longer. In particular, learners' Kanji writing ability improved significantly with 100% of students scoring 8 or higher. While this number only reaches 39% for traditional learning methods. This result showed that this learning method can be a supplementary method to help students learn more to improve their Kanji ability.

Keywords: Japanese, Kanji, learning method

1. GIỚI THIỆU

Từ lâu tiếng Nhật đã thu hút được sự quan tâm của nhiều người Việt Nam vì các lý do kinh tế, văn hóa và giáo dục. Nhiều người học tiếng Nhật để nắm bắt cơ hội việc làm trong các công ty Nhật Bản hoặc các doanh nghiệp có liên kết với Nhật Bản tại Việt Nam. Thống kê của Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản trong năm 2021 cho thấy Việt Nam là nước đứng thứ 3 trên thế giới có số người học tiếng Nhật tăng mạnh trong các năm qua (sau Indonesia và Thái Lan), với số lượng người học tiếng Nhật tại Việt Nam là 169,582 người (Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản, 2021). Bên cạnh đó, nhờ vào sự phát triển của ngành công nghiệp giải trí Nhật Bản mà Manga, Anime,... cũng đã trở thành một yếu tố thúc đẩy sự quan tâm đến tiếng Nhật (Chi, 2017; Anh, 2022).

Để đáp ứng các sở thích, cơ hội nghề nghiệp trong tương lai và chính nhu cầu tìm hiểu, tiếp xúc với văn hóa, xã hội, con người Nhật Bản, số lượng người theo học ngôn ngữ Nhật ngày càng tăng lên. Thế nhưng việc dạy và học tiếng Nhật tại Việt Nam vẫn còn gặp phải nhiều khó khăn như sự nghèo nàn về giáo trình giảng dạy và tài liệu tham khảo, thiếu đội ngũ giảng viên được đào tạo qua chương trình sư phạm tiếng Nhật...; trong khi người học thì không theo kịp với các phương pháp học ngoại ngữ mới, không có thói quen đọc sách, ngại giao tiếp... (Chi, 2017). Thịnh (2019) cũng đề cập rằng tiếng Nhật là ngôn ngữ khó học so với các ngoại ngữ khác đang được giảng dạy tại Việt Nam như tiếng Anh, Pháp, Trung,... Ngay cả trẻ em Nhật sống trong môi

trường sử dụng Kanji thì việc học và viết Kanji vẫn là một khó khăn (Kunihiro, 2014). Hiroshi (2014) và Lu et al. (2005) cũng cho biết khó khăn của người học là phải nhớ cả cách đọc và cách viết chữ Hán cùng lúc dù số lượng chữ phải nhớ rất nhiều. Bên cạnh đó, nhờ thành tựu của khoa học kỹ thuật nên khi viết bài văn hay tra từ mọi người đều dựa vào máy tính và từ điển điện tử, điều này khiến cho việc nhớ chữ Kanji có vẻ càng khó khăn hơn (Anh, 2022). Đặc biệt, việc không nhớ mặt chữ và kết cấu chữ, không phân biệt được các chữ có cấu tạo gần giống nhau và không nhớ thứ tự nét viết là những khó khăn mà sinh viên gặp phải trong việc viết và nhận dạng chữ Kanji (Tú & Quyền, 2022). Vì vậy, Kanji luôn được coi là rào cản khó khăn đối với người học tiếng Nhật và việc tìm ra một phương pháp giúp người học ghi nhớ Kanji lâu là hết sức cần thiết.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Tổng quan về Kanji

Chữ Hán Nhật (漢字 – Kanji) là 1 trong 5 bộ kí tự dùng trong tiếng Nhật hiện nay, bao gồm: Hiragana, Katakana, Bảng chữ cái Latinh (Romaji), chữ số Ả rập và Kanji (Banno và ctv., 2020). Về phương pháp cấu tạo, chữ Hán có 6 phương pháp gồm: tượng hình, chỉ sự, hội ý, hình thanh, chuyển chú, giả tá (trong đó phương pháp chuyển chú và giả tá chỉ là cách chơi chữ, mượn hình hoặc thanh của một Hán tự có sẵn). Ví dụ cụ thể về 4 phương pháp tượng hình, chỉ sự, hội ý, hình thanh được mô tả ở Bảng 1.

Bảng 1. Các loại chữ Kanji chính trong tiếng Nhật

Loại chữ	Chữ tượng hình (象形文字)	Chữ chỉ sự (指示文字)	Chữ hội ý (会意文字)	Chữ hình thanh (形声文字)
	Đây là loại chữ sơ khai được sáng tạo từ các hình ảnh, của các sự vật hoặc hiện tượng.	Loại chữ này sử dụng các điểm, đường thẳng để thể hiện các khái niệm trừu tượng không thể diễn tả thông qua hình dạng.	Được hình thành bằng cách tổ hợp từ các chữ tượng hình đơn giản để biểu thị một ý nghĩa mới nhưng ở mức đơn giản.	Đây cũng là loại chữ được hình thành từ hai hoặc nhiều kí tự đơn giản để biểu thị một ý nghĩa mới. Nhưng khác với chữ hội ý, chữ hình thanh có một bộ phận dùng diễn tả ý nghĩa mới, phần có lại dùng để biểu thị cách đọc.
Ví dụ	山 Hán Việt: SƠN Cấu trúc: 3 nét Âm đọc: - On: san, zan* - Kun: yama Nghĩa: ngọn núi	二 Hán Việt: NHỊ Cấu trúc: 2 nét Âm đọc: - On: ni, ji - Kun: futa, futatabi Nghĩa: hai	林 Hán Việt: LÂM Cấu trúc: 8 nét Âm đọc: - On: rin - Kun: hayashi Nghĩa: rừng	洗 Hán Việt: TÂY, TIỀN Cấu trúc: 9 nét Âm đọc: - On: sen - Kun: ara(u) Nghĩa: giặt, rửa

*Trường hợp biến đổi âm đọc (vô thanh hóa) trong từ kép
Nguồn: Giáo trình Kanji Look and Learn (Banno et al., 2020)

Cách đọc Kanji thường được phân loại thành nhóm On yomi (音読み hay cách đọc âm On) hoặc Kun yomi (訓読み hay cách đọc âm Kun). Cách đọc Hán-Nhật On yomi là sự Nhật hóa cách phát âm tiếng Hán của Hán tự vào thời điểm nó được du nhập vào. Trong khi Kun yomi là cách đọc kiểu Nhật hay cách đọc bản địa, với cách đọc một chữ Kanji lấy nghĩa, dựa trên cách phát âm của một từ tương đương tiếng Nhật. Giống với On yomi, mỗi Kanji có thể có một hoặc nhiều cách đọc và cũng có khi Kanji đó chỉ có âm On mà không có âm Kun.

2.2. Sơ lược các phương pháp học Kanji

Từ những nghiên cứu trước đây, nhiều phương pháp học Kanji khác nhau đã được đề xuất. Mỗi phương pháp học đều có đặc điểm, ưu điểm và nhược điểm khác nhau (Bảng 2).

2.2.1. Phương pháp học theo bộ thủ

Bộ thủ là những yếu tố cấu thành một chữ Kanji (Klingborg, 2012). Theo Trang và Giang (2015), có tổng cộng 214 bộ thủ, các bộ thủ này không thể chia ra nhỏ hơn nữa vì nó sẽ trở nên vô nghĩa. Vì vậy, có thể nói rằng phương pháp học Kanji qua bộ thủ là phương pháp học các thành phần cơ bản nhất của một ký tự Kanji (Danh, 2021; Uni, 2019). Việc học Kanji qua bộ thủ mang lại hiệu quả trong việc đọc hiểu và đoán nghĩa của từ bởi mỗi chữ Kanji cơ bản cũng có thể được xem là một bộ, chúng có thể được tái sử dụng để tạo ra một từ mới mang nghĩa gần giống với bộ thủ gốc của mình (Danh, 2021; Yencken & Baldwin, 2008). Trang và Giang (2015) cũng đã chỉ ra rằng việc học bộ giúp người học đoán được phần nào nghĩa của chữ Kanji. Ví dụ, với bộ Thủy (水, hay được viết là 氵 khi nó đóng vai trò là một thành phần) trong các chữ Kanji mang bộ thủ này như 泉, 氷, 池 thường có liên quan đến nước,... Vì thế có thể nói nhờ học bộ thủ mà người học có thể nhận diện chữ nhanh hơn, suy đoán nghĩa cũng chính xác hơn, từ đó tăng khả năng đọc hiểu văn bản. Tuy nhiên phương pháp học qua bộ thủ gây khó khăn cho những người mới bắt đầu học và chỉ phù hợp với những người có trình độ trung cấp trở lên (Danh, 2021).

2.2.2. Phương pháp viết lặp đi lặp lại nhiều lần và học thuộc lòng

Viết lặp đi lặp lại là một phương pháp chủ yếu và truyền thống được nhiều người từ nhiều quốc gia hiện vẫn áp dụng để học Kanji (Shimizu & Green, 2002). Viết lặp đi lặp lại kết hợp với bộ thủ giúp ghi nhớ chữ Hán lâu hơn, ít nhầm lẫn và cải thiện kỹ

năng viết (Darley & Glass, 1975; Dark & Loftus, 1976). Vì thế trong nhiều nghiên cứu, viết đi viết lại luôn được đánh giá cao và được đề xuất là một trong những phương pháp học tốt nhất để áp dụng cho việc học Kanji (Toyoda, 1990; Stout & Hakone, 2011; Tuyền, 2019). Makiko và Hiroshi (1995) cũng cho biết bằng việc viết lặp đi lặp lại một hán tự trên giấy hoặc các bề mặt xung quanh giúp người học có thể nhớ hình dáng của hán tự đó, nên đây được xem là một phương pháp hiệu quả và phổ biến đối với người Nhật.

2.2.3. Phương pháp học bằng âm Hán - Việt

Là phương pháp học Kanji mà trong cả ba bài nghiên cứu của Tuyền năm 2019, 2020 và 2021 đều kết luận rằng đó là một trong những phương pháp mà người học thường hay áp dụng nhất. Do chữ Hán từ Trung Quốc đã được du nhập vào cả Việt Nam và Nhật Bản một cách có hệ thống, do đó sẽ có rất nhiều sự tương đồng trong âm Hán Việt và âm On (Danh, 2021). Ví dụ chữ Án (案) thì có âm On là an (あん), chữ Y (医) có âm On là i (い), ... Cụ thể như từ Chú ý - 注意 được cấu tạo từ 2 hán tự là Chú (注) và Ý (意), khi kết hợp lại tạo thành từ 注意 với âm On là ちゅうい - chuui, âm này tương đồng trong âm Hán Việt nên giúp người học có thể nhớ dễ dàng. Vì vậy, bên cạnh việc có thể giúp người học dễ dàng đoán được nghĩa, ghi nhớ chữ Kanji thì trong nhiều trường hợp phương pháp này còn giúp sinh viên đoán được cả âm On (Tuyền, 2021).

2.2.4. Phương pháp học bằng thẻ ghi nhớ (Flashcard)

Học bằng thẻ ghi nhớ hay flashcard có cách học khá đơn giản, người học chỉ cần nhìn 1 mặt của tấm thẻ để suy nghĩ ra cách đọc và nghĩa của chữ Kanji và kiểm tra cách đọc chữ Kanji đó ở mặt sau. Đây là một trong nhiều phương pháp thông dụng để học ngoại ngữ, không chỉ Kanji hay tiếng Nhật (Danh, 2021).

2.2.5. Phương pháp học qua ứng dụng trên điện thoại thông minh và máy tính

Đây là phương pháp quen thuộc với nhiều người học bởi vì hiện nay điện thoại thông minh đã trở thành một phần không thể thiếu trong cuộc sống hằng ngày của chúng ta (Tâm và ctv., 2017).

Người học có thể lựa chọn áp dụng các phương pháp học Kanji mới như sử dụng thẻ nhớ và học trên các ứng dụng điện thoại thông minh tùy theo hoàn cảnh và sở thích cá nhân. Đây là những phương pháp

tích hợp công nghệ, thường được cập nhật đều đặn để tối ưu hóa hiệu quả của mỗi phương pháp học.

2.2.6. Phương pháp liên tưởng bằng hình ảnh

Danh (2021) đã định nghĩa phương pháp liên tưởng bằng hình ảnh là việc người học có thể tận dụng lợi thế chữ Hán là một loại chữ tượng hình để liên kết chữ Hán với hình ảnh gốc mà nó mô phỏng lại. Trong đó, mỗi chữ Hán gắn liền với một hình ảnh cùng với câu chuyện của riêng nó. Nhật Bản cũng có quyển sách "Kanji Look and Learn" của tác

giả Banno và ctv. (2020), quyển sách này giúp ích trong việc học Kanji với phương pháp học bằng hình ảnh và sử dụng câu gợi nhớ.

2.2.7. Phương pháp học các ký tự Kanji từ cơ bản đến phức tạp

Theo Danh (2021), học Kanji từ cơ bản đến phức tạp là phương pháp tập trung vào việc học và nhận biết từng ký tự Kanji một cách tuần tự, bắt đầu từ những ký tự đơn giản và dần dần tiến tới những ký tự phức tạp hơn.

Bảng 2. Ưu điểm và nhược điểm của các phương pháp học Kanji

Phương pháp	Ưu điểm	Nhược điểm
Học Kanji theo bộ thủ	- Hiệu quả trong việc đọc hiểu và đoán nghĩa của từ (Yencken & Baldwin, 2008; Danh, 2021) - Dễ hiểu, dễ nhớ hơn (Simon & Chavalin, 2014; Trang & Giang, 2015). - Giảm thiểu nhầm lẫn hoặc nhớ sai chữ cả về chính tả lẫn ý nghĩa (Yencken & Baldwin, 2008).	- Khó khăn cho những người mới bắt đầu học và chỉ phù hợp với những người có trình độ trung cấp trở lên (Danh, 2021).
Viết nhiều lần và học thuộc lòng Kanji	- Giúp người học ghi nhớ lâu hơn, dài hạn hơn (Glenberg et al., 1977; Kamiya, 1982). - Hiệu quả trong việc nhớ tên người, tên địa điểm (Naka & Takizawa, 1990).	- Tốn thời gian và dễ chán (Danh, 2021).
Học Kanji qua âm Hán - Việt	- Giúp người học Kanji có thể học nhanh hơn, thấy Kanji thú vị hơn (Tuyền, 2020).	- Không phải chữ Hán nào cũng có âm Hán - Việt gần nghĩa, nhiều từ Hán - Việt không phổ biến (Danh, 2021).
Học Kanji qua thẻ ghi nhớ (Flashcard)	- Dễ ôn đi ôn lại nhiều lần để ghi nhớ lâu hơn (Thảo, 2021).	- Thủ công, bất tiện hơn so với các ứng dụng (Thảo, 2021).
Học Kanji qua app trên smartphone	- Nhiều ứng dụng tiện lợi, miễn phí, dễ truy cập (Ngọc, 2018; Tuyền, 2019).	- Dễ mất tập trung bởi các kênh giải trí (Ngọc, 2018).
Học Kanji qua hình ảnh liên tưởng	- Năng động và đổi mới, đồng thời nó kích thích tư duy sáng tạo và gợi lên hứng thú cho người học (Rasiban et al., 2020).	- Khả năng tương tượng và liên tưởng của mỗi người là khác nhau (Danh, 2021).
Học Kanji từ cơ bản đến phức tạp	- Ghi nhớ nhanh và dễ hơn; nhận ra mối quan hệ và sự tương đồng giữa các Kanji (Danh, 2021).	- Với hơn 2000 Kanji, quá trình học có thể kéo dài trong nhiều năm, cần sự kiên nhẫn (Danh, 2021).

Ngoài ra một số những phương pháp dạy và học mới cũng được đề xuất như “phương pháp học đảo ngược” của (Nga, 2020) lấy người học làm trung tâm, đòi hỏi người học phải tự tìm tòi học hỏi thêm, từ đó kích thích việc chủ động tiếp thu kiến thức.

2.3. Phương pháp kết hợp nhiều phương pháp học Kanji

Nghiên cứu của Tú (2020) đã nêu ra 3 khó khăn lớn nhất của sinh viên là dễ quên, dễ nhầm lẫn âm đọc và khó khăn khi viết Kanji. Một số nghiên cứu đã đề xuất việc kết hợp các phương pháp lại với nhau để tạo nên hiệu quả lớn hơn. Nghiên cứu của Tuyền (2020) cũng cho thấy tính hiệu quả của việc kết hợp

các thủ pháp lại với nhau. Tất cả các sinh viên được phỏng vấn đều sử dụng kết hợp trên hai thủ pháp lại với nhau, phần lớn đều dùng bộ thủ và câu chuyện tự tạo để dễ liên tưởng và ghi nhớ, ngoài ra còn kết hợp học âm Hán - Việt và viết lại nhiều lần để ghi nhớ Kanji. Tú (2020) cũng cho rằng việc học từ bộ thủ trước và tạo ra một cách ghi nhớ cho riêng mình sẽ giúp người học viết đúng được thứ tự các phần trong chữ và nhớ lâu hơn. Tương tự, Danh (2021) cũng đã đề xuất kết hợp giữa phương pháp liên tưởng hình ảnh với âm Hán - Việt và viết đi viết lại sẽ giúp việc học trở nên thú vị hơn và nhớ lâu hơn.

Từ những đề xuất mang tính lý thuyết trên, nghiên cứu này sẽ thực hiện việc kết hợp các phương

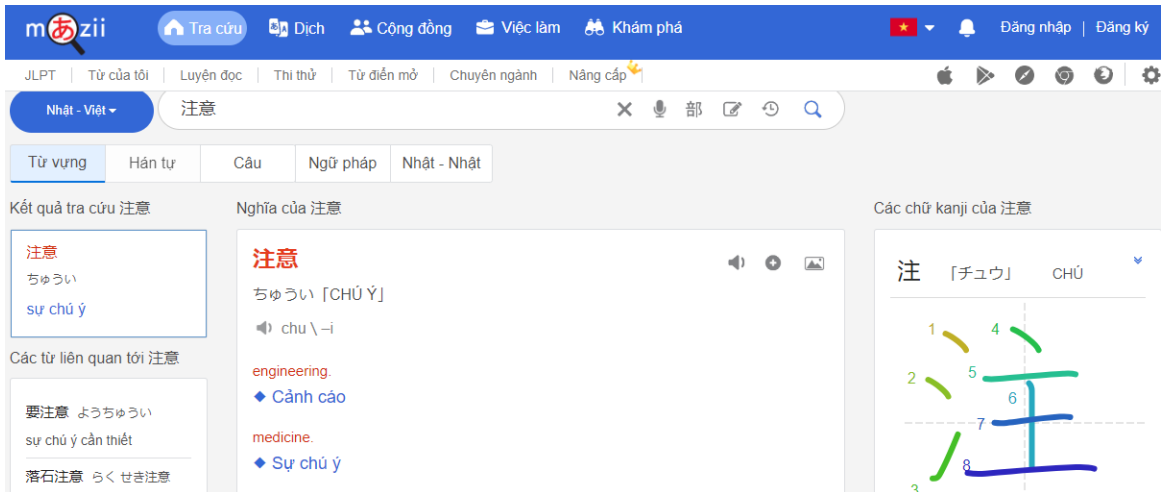
pháp người học thường áp dụng với nhau để giải quyết được một lúc nhiều vấn đề mà người học hay mắc phải. Mục đích của nghiên cứu này là: 1. Khảo sát những khó khăn của sinh viên khi học Kanji; 2. Tìm ra phương pháp học Kanji hiệu quả; 3. Giúp người học vừa có thể cải thiện vừa nâng cao được các kỹ năng viết Kanji bằng cách học thú vị hơn.

2.4. Hướng dẫn tra cứu Hán tự trên từ điển Mazii

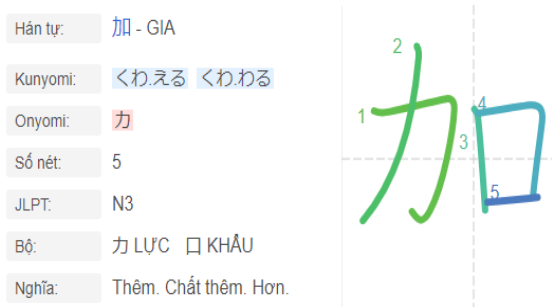
Phương pháp học kết hợp học bộ thủ, câu liên tưởng bằng nghĩa và âm Hán Việt được xây dựng

dựa trên sự tham khảo trên từ điển Mazii (Hình 1). Mazii được Kilala đánh giá là một trong những từ điển hàng đầu dành cho người học tiếng Nhật và “là trang từ điển phong phú nhất trong các trang hiện có. Giao diện web của Mazii được chia ra 4 mục rõ ràng: Từ Vựng – Hán Tự – Ngữ Pháp – Câu, khá tiện trong việc tra cứu.”.

Các bộ thủ và mẹo ghi nhớ được xây dựng dựa trên những tham khảo từ Mazii (Hình 2). Cụ thể như từ Gia (加) của tư liệu nhóm nghiên cứu (Phụ lục 1) được thực hiện dựa trên bộ thủ tìm trên Mazii.



Hình 1. Từ điển Mazii dành cho người học tiếng Nhật



Hình 2. Tra cứu Hán tự trên Mazii

Có các mẹo để nhớ có sẵn trên Mazii, tuy nhiên do có nhiều gợi ý không phù hợp nguyên tắc bộ thủ hay câu từ không chuẩn mực nên cần phải cân nhắc lựa chọn câu nhớ phù hợp.

Với từ Gia (加) trên Mazii có gợi ý đầu tiên là “Muốn tham GIA thì phải có sức LỰC và lời nói Muốn tham GIA thì phải có sức LỰC và lời nói”. Ở đây, nhóm nghiên cứu đã điều chỉnh cho phù hợp hơn thành “Phải có sức LỰC (力) và lời nói (口 KHẨU) thì mới tham GIA (加) được”.

3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Trước khi vận dụng phương pháp học Kanji kết hợp, một khảo sát về khó khăn của sinh viên ngành Ngôn ngữ Nhật tại Đại học FPT Cần Thơ khi học tiếng Nhật được thực hiện tập trung vào việc khai thác những khó khăn của sinh viên trong quá trình học ngôn ngữ Nhật nói chung và chữ Kanji nói riêng (Bảng khảo sát 1). Dựa trên kết quả khảo sát trên, lớp học thực nghiệm được thực hiện với 5 buổi học Kanji, mỗi buổi 10 Kanji (Phụ lục 1) tương ứng với 5 bài học (từ bài 1-5, giáo trình Dekiru Nihongo - Trung cấp). Cụ thể, phương pháp học kết hợp học bộ thủ, câu liên tưởng bằng nghĩa và âm Hán Việt và viết lặp đi lặp lại được sử dụng.

3.1. Đối tượng khảo sát

Nghiên cứu được thực hiện từ ngày 08/5/2023 đến ngày 23/6/2023 với sự tham gia của 31 sinh viên năm 2 chuyên ngành tiếng Nhật tại Đại học FPT Cần Thơ.

3.2. Phương pháp thu thập và phân tích dữ liệu

Phương pháp điều tra khảo sát bằng bảng hỏi:

Sau khi lớp học thực nghiệm kết thúc, khảo sát hiệu quả của phương pháp học Kanji kết hợp (Bảng khảo sát 2) được thực hiện. Khảo sát này tập trung vào việc khai thác những nhận xét, đánh giá của người học sau khi học phương pháp học Kanji kết hợp. Thực hiện khảo sát về đánh giá của 31 sinh viên về phương pháp học Kanji kết hợp sau lớp học thực nghiệm.

Phương pháp phỏng vấn/ phỏng vấn sâu:

Sau khi đánh giá phương pháp học kết hợp bằng bảng hỏi khảo sát 1, 5 sinh viên ngẫu nhiên trong số 31 sinh viên sẽ được phỏng vấn sâu để nêu cảm nhận sau lớp học thực nghiệm (Bảng khảo sát 3).

Phương pháp phân tích dữ liệu:

Dữ liệu thu thập bao gồm dữ liệu trước và sau khi áp dụng lớp học thực nghiệm sử dụng phương pháp học Kanji kết hợp. Sinh viên sẽ thực hiện hai bài kiểm tra trắc nghiệm Kanji (Bài kiểm tra 1 và 2), mỗi bài gồm 20 câu hỏi trắc nghiệm với trình độ Kanji sơ - trung cấp. Sau khi kết thúc lớp học thực nghiệm, sinh viên được kiểm tra kỹ năng viết Kanji

(Bài kiểm tra 3), trong đó có 5 chữ Kanji đã học từ lớp thực nghiệm và 5 chữ Kanji học theo phương pháp truyền thống, nhằm đánh giá hiệu quả của phương pháp học kết hợp.

Các dữ liệu về những khó khăn trong việc học tiếng Nhật và học Kanji, đánh giá và cảm nhận của sinh viên về phương pháp học kết hợp (Bảng khảo sát 1, 2 và 3), cùng những số liệu về điểm số đạt được của sinh viên trong 3 bài kiểm tra trước và sau lớp học thực nghiệm và bài kiểm tra kỹ năng viết Kanji (Bài kiểm tra 1, 2 và 3) sẽ được tổng hợp để đánh giá tính hiệu quả của phương pháp học Kanji kết hợp.

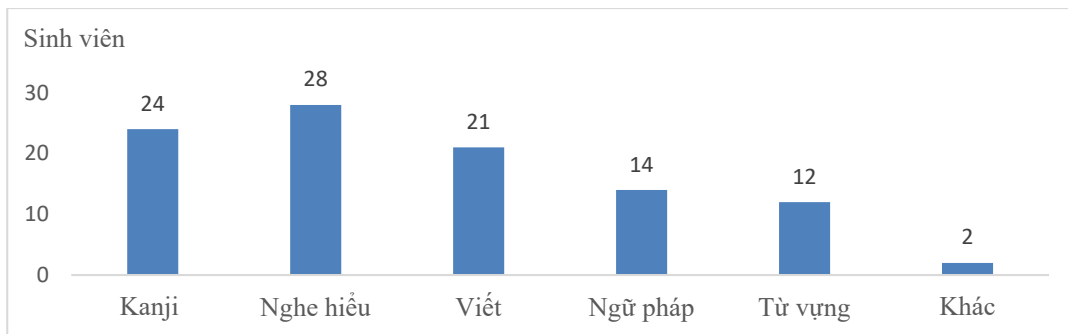
4. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

4.1. Kết quả

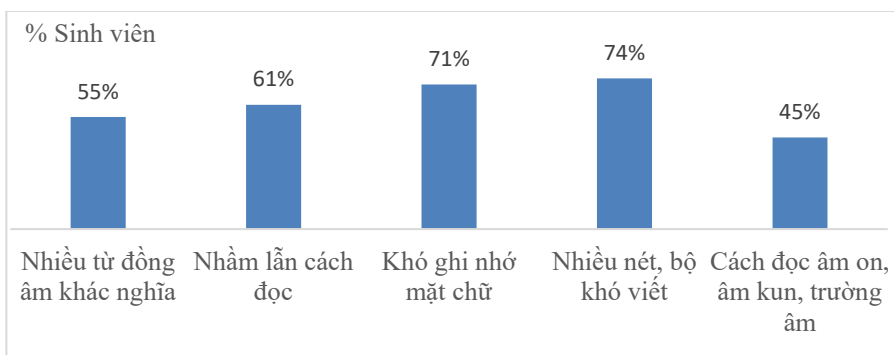
4.1.1. Kết quả khảo sát

Khảo sát khó khăn của sinh viên khi học tiếng Nhật

Kết quả khảo sát cho thấy 100% những sinh viên tham gia khảo sát đều cho biết gặp khó khăn trong việc học tiếng Nhật. Trong đó, khó khăn thường gặp bao gồm nghe hiểu, Kanji, viết,... cùng một số khó khăn khác (Hình 3). Từ đó cho thấy sinh viên đang cần một phương pháp học tốt hơn để vượt qua những khó khăn trên.



Hình 3. Những khó khăn sinh viên gặp phải trong quá trình học tiếng Nhật



Hình 4. Những khó khăn của sinh viên khi học Kanji

Khi tìm hiểu sâu hơn về những khó khăn khi học Kanji, kết quả cho thấy sinh viên gặp khó khăn do Kanji có nhiều nét và bộ khó viết, khó khi nhớ mặt chữ Kanji và hay nhầm lẫn cách đọc Kanji (Hình 4).

Khảo sát cũng cho thấy, các phương pháp sinh viên thường áp dụng khi học Kanji là những phương

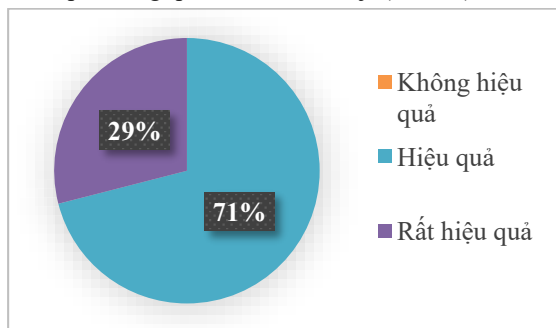
pháp phổ biến mà người học tiếng Nhật thường áp dụng như: viết nhiều lần và học thuộc lòng Kanji, Học Kanji qua âm Hán - Việt,... (Bảng 3). Qua đó cho thấy tuy đã vận dụng những phương pháp phổ biến nhưng người học vẫn còn gặp nhiều khó khăn trong việc học Kanji.

Bảng 3. Các phương pháp học Kanji sinh viên đang áp dụng

Phương pháp tự học Kanji	Sinh viên	%
Viết nhiều lần và học thuộc lòng Kanji	26	84%
Học Kanji qua âm Hán - Việt	20	65%
Học Kanji từ cơ bản đến phức tạp	15	48%
Học Kanji qua app trên smartphone	12	39%
Học Kanji qua hình ảnh liên tưởng	10	32%
Học Kanji theo bộ thủ	10	32%
Học Kanji qua thẻ ghi nhớ (Flashcard)	9	29%

Khảo sát hiệu quả của phương pháp học Kanji kết hợp

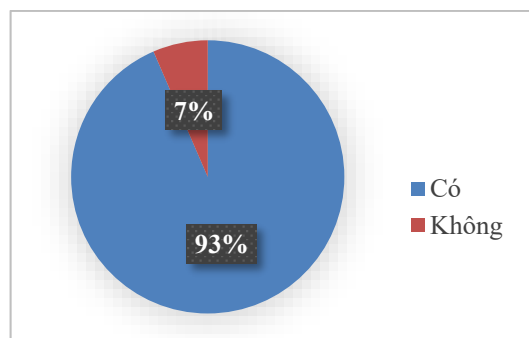
Khảo sát hiệu quả của phương pháp học Kanji kết hợp cho thấy kết quả rất khả quan với 100% sinh viên đánh giá phương pháp học kết hợp này đem lại hiệu quả trong quá trình học Kanji (Hình 5).



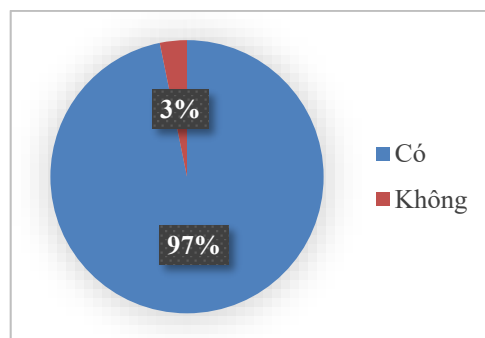
Hình 5. Đánh giá mức độ hiệu quả của phương pháp học kết hợp

Hầu hết sinh viên cho rằng phương pháp kết hợp giúp nhớ chữ Kanji chính xác và lâu hơn (Hình 6) và giúp cải thiện khả năng viết Kanji (Hình 7). Bởi vì hiện nay, với sự phát triển của công nghệ, sinh viên thường chỉ viết Kanji thông qua đánh máy, dẫn đến khả năng viết Kanji cũng giảm. Thông qua phương pháp này, có thể tạo được sự hứng thú hơn, giúp sinh viên có thêm động lực luyện viết chữ được nhiều hơn.

Đồng thời, khi được hỏi “Bạn sẽ sử dụng phương pháp này vào việc học Kanji sau này không?” thì kết quả thu về là 100% sinh viên trả lời là tiếp tục sử dụng phương pháp này hỗ trợ cho việc học Kanji của mình.



Hình 6. Phương pháp kết hợp giúp nhớ Kanji chính xác và lâu hơn



Hình 7. Phương pháp kết hợp giúp cải thiện khả năng viết Kanji

4.1.2. Kết quả phỏng vấn

Sau khi thực hiện phỏng vấn đối với 5 bạn sinh viên từ lớp học thực nghiệm, kết quả cụ thể như sau:

Sinh viên 1: Bạn N cho biết “Phương pháp học này đã mang lại sự thay đổi tích cực cho quá trình học Kanji của em. Nó giúp em có thể phân biệt được những từ Kanji gần giống nhau, vì mỗi từ là mỗi câu

chuyện khác nhau và không có sự trùng lặp. Sử dụng câu liên tưởng và phân tích từ Kanji giúp em ghi nhớ lâu hơn và tránh sự nhầm lẫn hơn so với những phương pháp truyền thống. Tuy có nhược điểm là em phải học thêm bộ thủ và có một số câu liên tưởng hơi dài, nhưng việc biết bộ thủ thì em sẽ dễ phân biệt được những từ Kanji hơn. Em vẫn muốn tiếp tục áp dụng phương pháp này vì hiệu quả của nó.”

Sinh viên 2: *Bạn A* cho biết “Việc học theo phương pháp này giúp em có hứng thú hơn và tiếp thu Kanji tốt hơn, nhớ mặt chữ và thứ tự nét của từng chữ. Phương pháp này giúp em và sinh viên dễ hiểu và phân biệt các từ Kanji giống nhau, viết chính xác theo thứ tự nét của Kanji hơn. Một điểm yếu là nếu chỉ học phương pháp này, em gặp khó khăn với âm On và âm Kun trong khi làm bài kiểm tra. Em sẽ tiếp tục áp dụng phương pháp này và đề xuất việc kết hợp từ Kanji đã học với các từ khác để luyện đọc.”

Sinh viên 3: *Bạn B* cho biết “Phương pháp này giúp em thấy dễ hiểu và tiếp thu từ Kanji hơn, phân biệt các từ giống nhau và viết chúng đúng theo thứ tự nét của Kanji. Nó đã giúp em vượt qua khó khăn về việc phân biệt thứ tự nét của các từ Kanji và nhận thấy hiệu quả của phương pháp này. Phương pháp học này thú vị và giúp cải thiện trí nhớ, giúp em nhớ chữ Kanji lâu hơn và tránh nhầm lẫn giữa các từ tương tự. Em sẽ tiếp tục áp dụng nó trong việc học Kanji và đề xuất giới thiệu các bộ thủ cơ bản trước khi bắt đầu bài học để tăng tính nhớ bài.”

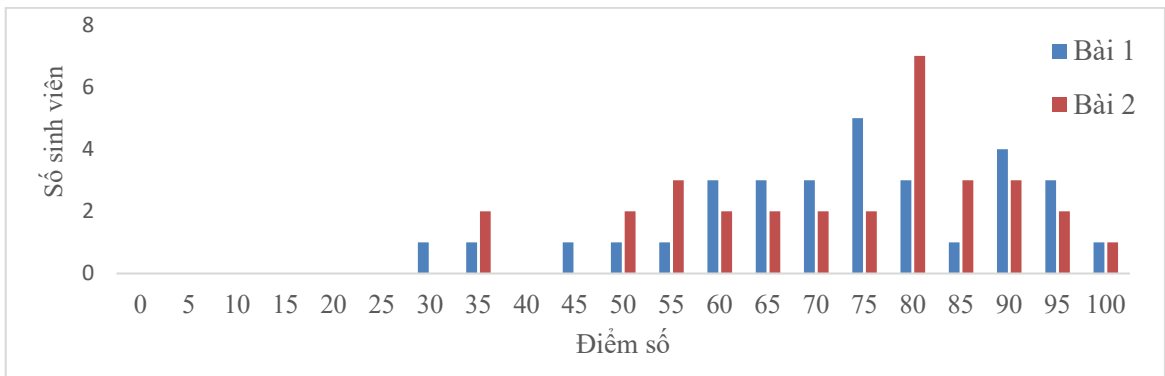
Sinh viên 4: *Bạn G* cho biết “Phương pháp học này thú vị và hữu ích, giúp cải thiện trí nhớ và nhớ chữ Kanji lâu hơn. Nhìn tổng thể về phương pháp học truyền thống thì em cảm thấy khó nhớ và dễ bị lẫn lộn khi các chữ Kanji tương tự nhau khi học. Còn việc phân tích cấu tạo của từ Kanji và sử dụng câu liên tưởng của phương pháp này giúp em viết và nhớ dễ dàng hơn. Em sẽ tiếp tục áp dụng phương pháp này cho việc học tiếng Nhật và đề xuất kết hợp với luyện âm On, Kun trong câu liên tưởng.”

Sinh viên 5: *Bạn C* cho biết “Phương pháp học này thú vị và hữu ích cho việc nhớ chữ Kanji. Việc viết nhiều lần và tách bộ giúp em hiểu từ Kanji và viết dễ dàng hơn. Sử dụng câu liên tưởng giúp em nhớ chữ Kanji dễ dàng hơn, bao gồm bộ thủ và cách viết từ Kanji đó. Ví dụ, khi em đọc câu "Hiệp Hội Thập Tam Lực," em nhớ ngay từ "Hiệp." Tuy nhiên, em nghĩ người học cần có một số vốn kiến thức về bộ thủ trước khi học phương pháp này”.

4.1.3. Kết quả kiểm tra

Kết quả bài kiểm tra trắc nghiệm Kanji số 1 và 2:

Bài kiểm tra trắc nghiệm Kanji số 1 và 2 được thực hiện nhằm mục đích kiểm tra năng lực Kanji của sinh viên ở trước và sau khi tham gia vào lớp học thực nghiệm. Điểm trung bình mà 31 sinh viên đạt được trước và sau lớp thực nghiệm lần lượt là 72.4 và 72.6 điểm (Hình 8).



Hình 8. Kết quả bài kiểm tra trắc nghiệm Kanji số 1 và 2

Kết quả bài kiểm tra viết Kanji:

Ở đề kiểm tra viết, nhóm đã thiết kế 10 câu hỏi, tương ứng với 10 chữ Kanji mà các sinh viên đã được học qua. Trong đó, có 5 chữ Kanji đã được dạy bằng phương pháp kết hợp của nhóm nghiên cứu, 5 chữ còn lại trong đề kiểm tra là những chữ được học theo phương pháp truyền thống. Năm chữ Kanji

được dạy bằng phương pháp kết hợp đạt điểm trung bình của sinh viên là 92,9 và 5 chữ Kanji học theo phương pháp truyền thống có điểm trung bình là 55,5 điểm. Kết quả này cũng cho thấy rằng, phương pháp kết hợp giúp sinh viên cải thiện khả năng viết Kanji so với học theo phương pháp truyền thống (Bảng 4).

Bảng 4. Điểm kiểm tra viết Kanji

Kết quả bài kiểm tra viết Kanji	Điểm	0	20	40	60	80	100
5 chữ Kanji học bằng phương pháp kết hợp	Số lượng sinh viên	0	0	0	0	11	20
5 chữ Kanji học bằng phương pháp truyền thống	Số lượng sinh viên	1	6	5	7	11	1

4.2. Thảo luận

Từ kết quả thu được sau lớp học thực nghiệm áp dụng phương pháp học kết hợp cho thấy, phương pháp này có những ưu điểm và khuyết điểm như sau:

Về ưu điểm:

1. Giúp cải thiện việc ghi nhớ Kanji: Bằng việc viết lặp đi lặp lại kết hợp với bộ thủ và câu liên tưởng giúp sinh viên ghi nhớ chữ Kanji đã học lâu hơn. Đồng thời, người học có thể nhớ từ vựng dễ hơn khi học bằng câu liên tưởng, phân tích cấu tạo chữ Hán kết hợp với nghĩa và âm Hán-Việt.

2. Là phương pháp học thú vị: Qua kết quả phỏng vấn cho thấy phương pháp kết hợp sinh động và gây hứng thú cho người học, do đó việc tiếp thu chữ Hán cũng tốt hơn.

3. Giúp nhớ chính xác Kanji: Bên cạnh học bộ thủ, câu liên tưởng trong phương pháp kết hợp có thể giúp phân biệt các chữ Hán viết gần giống nhau. Ngoài ra, một số câu liên tưởng còn giúp đoán được nghĩa và âm On nhờ có âm Hán-Việt.

4. Giúp cải thiện kỹ năng viết Kanji: Nhờ vào việc viết đi viết lại kết hợp với học bộ thủ của Kanji, người học có thể nhớ dễ dàng hơn khi đã hiểu chúng và có thể viết lại những chữ Kanji đã học.

Về khuyết điểm:

1. Đối với việc học bộ thủ: Sẽ khó áp dụng với những ai chưa học bộ thủ.

2. Đối với câu liên tưởng: Một số câu liên tưởng còn dài do phải đảm bảo đầy đủ các bộ trong chữ Hán.

3. Đối với việc ghi nhớ âm On và âm Kun: Phương pháp kết hợp này sử dụng câu liên tưởng bằng âm và nghĩa Hán Việt chỉ giúp cải thiện kỹ năng viết và nhớ chữ Hán nên chưa thể giải quyết vấn đề ghép âm.

4.2.1. Đề xuất

1. Đối với việc học bộ thủ: Để áp dụng phương pháp học kết hợp này, trước hết người dạy cần giúp sinh viên hiểu về bộ thủ và nắm được các bộ thủ cơ bản.

2. Đối với câu liên tưởng: Người dạy và người học có thể cùng tạo những câu liên tưởng cho chữ Kanji bằng việc sử dụng các bộ thủ trong chữ. Điều này không những giúp tăng khả năng sáng tạo mà còn góp phần tăng sự tương tác giữa người dạy và người học. Đồng thời, người học có thể lấy cách viết câu liên tưởng làm cơ sở để tự sáng tạo câu theo cách riêng và cách này cũng dễ nhớ hơn.

3. Đối với việc ghi nhớ âm On và âm Kun: Người dạy cần kết hợp cả dạy âm On và âm Kun vào phương pháp này. Do chữ Kanji với đặc điểm là có nhiều chữ đồng âm nên không phải từ nào cũng được đọc bằng âm On mà cần phối hợp âm Kun mới rõ nghĩa.

4. Như đã đề cập, phương pháp này đòi hỏi sinh viên phải nắm các bộ thủ. Do đó, giảng viên đã dạy Kanji bằng bộ thủ có thể áp dụng phương pháp này để dạy chính hoặc sử dụng song song cùng giáo trình chính để tăng cường hứng thú cho sinh viên. Giảng viên chưa dạy bộ thủ Kanji cũng có thể giới thiệu phương pháp này để người học tham khảo thêm cách học thú vị.

Phương pháp kết hợp đã nhận được nhiều phản hồi tích cực từ các sinh viên của lớp thực nghiệm. Do phương pháp kết hợp là phương pháp được đề xuất để cải thiện kỹ năng viết và ghi nhớ nên chưa giải quyết triệt để các khó khăn về âm On và âm Kun. Tuy nhiên, bằng việc áp dụng dạy âm On và âm Kun có thể khắc phục được nhược điểm này. Tóm lại, phương pháp học này mang lại sự mới mẻ, thú vị trong giờ học và thành công trong việc cải thiện kỹ năng viết, ghi nhớ chữ Hán cho sinh viên.

5. KẾT LUẬN

Nghiên cứu này cho thấy phương pháp học Kanji kết hợp phương pháp học theo bộ thủ, phương pháp sử dụng câu liên tưởng bằng nghĩa và âm Hán – Việt, phương pháp viết lặp đi lặp lại nhiều lần mang lại kết quả rất khả quan. Người học đánh giá cao tính hữu ích của phương pháp này qua việc hỗ trợ khả năng ghi nhớ, giúp dễ liên tưởng, sáng tạo và viết Kanji hiệu quả hơn.

Qua việc áp dụng phương pháp kết hợp vào giảng dạy cho sinh viên, năng lực chữ Hán của sinh

viên đã có sự cải thiện. Qua đó, có thể thấy phương pháp kết hợp có thể giải quyết được vấn đề ghi nhớ mặt chữ, giúp sinh viên nhớ chính xác từng bộ và cấu tạo của một chữ Kanji để tránh nhầm lẫn các chữ với nhau. Ngoài ra, phương pháp hỗ trợ sinh viên

nhớ đúng thứ tự nét và giải quyết được khó khăn về kỹ năng viết. Thêm nữa, phương pháp này cũng góp phần nâng cao khả năng tư duy, sáng tạo và khả năng tự học của sinh viên.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Anh, M. T. N. (2022). Kết hợp đưa văn hóa vào việc giảng dạy Kanji trong tiếng Nhật. *Kỷ yếu Hội thảo khoa học. Khoa Ngôn Ngữ và Văn hóa Quốc Tế viện Công Nghệ Việt – Nhật (Hutech)*, 180-191.
- Banno, E., Ikeda, Y., Shinagawa, C., Tajima, K., & Tokashiki, K. (2020). *Kanji Look and Learn*. Nhà xuất bản Hồng Đức. 272p.
- Chi, C. L. D. (2017). Dạy và học tiếng Nhật trong thời đại toàn cầu. *Tạp chí Khoa học*, 14(4), 58-69. [https://doi.org/10.54607/hcmue.js.14.4.195\(2017\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.14.4.195(2017))
- Danh, N. T. (2021). Sustainable methods of improving Kanji learning skills for Japanese language learners at Basic Level at FPT University. *E3S Web of Conferences*, 295, 1-9. <https://doi.org/10.1051/e3sconf/202129505031>
- Dark, V. L., & Loftus, G. R. (1976). The role of rehearsal in long-term memory performance. *Journal of Verbal Learning and Verbal Behaviour*, 15(4), 479-490. [https://doi.org/10.1016/S0022-5371\(76\)90043-8](https://doi.org/10.1016/S0022-5371(76)90043-8)
- Darley, C. E., & Glass, A. L. (1975). Effects of rehearsal and serial list position on recall. *Journal of Experimental Psychology: Human Learning & Memory*, 1(4), 453-458. <https://doi.org/10.1037//0278-7393.1.4.453>
- Glenberg, A., Smith, S. M., & Green, C. (1977). Type I rehearsal: Maintenance and more. *Journal of Verbal Learning & Verbal Behaviour*, 16(3), 339-352. [https://doi.org/10.1016/S0022-5371\(77\)80055-8](https://doi.org/10.1016/S0022-5371(77)80055-8)
- Hiroshi, I. (2014). A proposal for Japanese Kanji Education in Korea. *Journal of Japanese Language and Culture*, 28, 255-74. <http://dx.doi.org/10.17314/jjlc.2014..28.013>
- Kamiya, S. (1982). The role of maintenance rehearsal in an item search task. *The Japanese Journal of Psychology*, 53, 87-93. <https://doi.org/10.4992/jjpsy.53.87>
- Klingborg, M. (2012). Kanji – The Structural Variations of Radicals. *Lund University Centre for Language and Literature Japanese*, 1-41.
- Kunihiro, K. (2014). Research trends investigating about teaching for students with Kanji-writing difficulties. *Bulletin of the National Institute of Special Needs Education*, 41, 63-75.
- Lu, S., Yamashita, N., Tominaga, H., Hayashin, T., & Yamasaki, T. (2005). Japanese learning system for Chinese native speakers - development of database for learning Kanji which have difference between Chinese and Japanese. *The IEEE International Conference on Advanced Learning Technologies*, 5, 536-537. DOI: 10.1109/ICALT.2005.184.
- Makiko, N., & Hiroshi, N. (1995). The effect of repeated writing on memory. *Memory & Cognition*, 3(2), 201-212. <https://doi.org/10.3758/BF03197222>
- Naka, M., & Takizawa, M. (1990). Writing over and over to remember? Does it work? Then why? *Bulletin of the Faculty of Education, Chiba University*, 38, 31-36.
- Nga, V. T. T. (2020). Đề xuất ứng dụng phương pháp học đảo ngược nhằm cải tiến việc dạy và học chữ Hán trong tiếng Nhật. *Tạp chí Khoa học Ngoại ngữ*, 61, 83-93. <https://doi.org/10.56844/tekhnn.v1i61.58>
- Ngọc, T. T. T. (2018). Khó khăn trong hoạt động tự học của sinh viên khoa giáo dục mầm non Trường đại học Sư phạm, Đại học Huế. *Tạp chí Khoa học và Giáo dục - Trường Đại học Sư phạm Huế*, 47(3), 127-143.
- Quỹ Giao lưu Quốc tế Nhật Bản, 2021. Khảo sát cơ sở giáo dục tiếng Nhật ở nước ngoài năm 2021. (2021年度 海外日本語教育機関調査: <https://www.jpff.go.jp/j/project/japanese/survey/area/country/2022/vietnam.html>)
- Rasiban, L. M., Febriani, M., & Renariah. (2020). Use of Mrs.Kanji Web Application to Enhance Japanese Kanji Learning. *Advances in Social Science, Education and Humanities Research*, 424, 353-358. <https://doi.org/10.2991/assehr.k.200325.110>
- Shimizu, H., & Green, K. (2002). Japanese language educators' strategies for and attitudes toward teaching Kanji. *The Modern Language Journal*, 86(2), 227-241. <https://doi.org/10.1111/1540-4781.00146>
- Simon, P., & Chavalin, S. (2014). Tackling the Kanji hurdle: Investigation of Kanji learning in Non-Kanji background learners. *International Journal of Research Studies in Language Learning*, 3(3), 89-104. DOI: 10.5861/ijrsl.2013.519
- Stout, T. G., & Hakone, K. (2011). *Basic Japanese Kanji*. Tuttle Publishing.
- Tâm, N. M., Nhân, N. P. T., & Hằng, N. T. T. (2017). Mối liên quan giữa mức độ sử dụng điện

- thoại thông minh và các rối loạn giấc ngủ, rối loạn tâm lý ở học sinh trung học phổ thông và sinh viên. *Tạp chí Y Dược học - Trường Đại học Y Dược Huế*, 7(4), 125-130.
DOI:10.34071/jmp.2017.4.18
- Toyoda, T. (1990). A Road to Kanji. Bonjinsha, Co. Ltd.
- Tú, P. M. (2020). Khảo sát khó khăn khi học Hán tự của sinh viên năm nhất ngành ngôn ngữ Nhật và một vài kiến nghị giảng dạy. *The Open TESOL International Conference*, 8, 775-782.
- Tú, P. M., & Quyền, T. V. (2022). Nâng cao năng lực tự học Kanji cho sinh viên ngành ngôn ngữ Nhật Trường Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh. *Tạp chí Khoa học Đại học Mở Thành phố Hồ Chí Minh – Khoa học xã hội*, 17(2), 84-97.
DOI:10.46223/HCMCOUJS.soci.vi.17.2.2390.2022
- Tuyển, T. T. K. (2019). Khảo sát thủ pháp học chữ Hán của sinh viên tiếng Nhật. *VNU Journal of Foreign Studies*, 35(5), 106-119.
- Tuyển, T. T. K. (2020). Nghiên cứu thủ pháp học chữ Hán thông qua phỏng vấn sinh viên tiếng Nhật trình độ trung cấp. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 32, 18-22.
[https://doi.org/10.54607/hcmue.js.18.2.3000\(2021\)](https://doi.org/10.54607/hcmue.js.18.2.3000(2021))
- Tuyển, T. T. K. (2021). Khảo sát sự tương đồng giữa âm Hán - Việt và âm Hán - Nhật trong tiếng Nhật. *Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam*, 46, 61-64.
- Thảo, Đ. P. T. (2021). Truy hồi kiến thức: Chiến lược học tập mạnh mẽ nhất mà bạn đang vô tình bỏ lỡ. *Nội san dạy học*, 40, 20-23.
- Thịnh, V. T. (2019). *Đặc trưng câu tiếng Nhật nhìn từ góc độ loại hình học*. Trường Đại học Ngoại ngữ - NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 522-530.
- Trang, N. T. T., & Giang, N. C. (2015). Một số phương pháp học chữ Hán hiệu quả. *Báo cáo Hội nghị - Hội thảo khoa học quốc gia*, 1-5.
- Uni, K. (2019). Connecting Kanji Radicals with their Malay Equivalents in Japanese Kanji Instruction to Native Malay-speaking Students. *Journal of Language Studies*, 19(4), 128-147.
<http://doi.org/10.17576/gema-2019-1904-07>
- Yencken, L., & Baldwin, T. (2008). Measuring and Predicting Orthographic Associations: Modelling the Similarity of Japanese Kanji. *The International Conference on Computational Linguistics*, 22, 1041-1048.
DOI:10.3115/1599081.1599212